

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Tám;

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Thanh T, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Số 01/114 ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Tia Phương Th, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T trình bày:

Bà Lý Thị Thanh T và ông Tia Phương Th cưới nhau năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 03/02/2017 tại UBND xã Đ, huyện M. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 5/2020 đến nay thì bà T và ông Th đã không còn sống chung với nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có 02 con chung là Tia Lý Tổ N, sinh ngày 28/11/2012 và Tia Lý Hoàng H, sinh ngày 21/12/2016, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi hai con. Hiện nay bà làm công nhân công ty chế biến thủy sản, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại các phiên hoà giải bị đơn ông Tia Phương Th trình bày:*

Ông và bà Lý Thị Thanh T cưới nhau năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 03/02/2017 tại UBND xã Đ, huyện M. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, thường ngày cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ những mâu thuẫn nhỏ. Từ tháng 5/2020 đến nay thì bà T về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn sống chung với nhau đến nay. Nay ông còn thương vợ ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Tia Lý Tổ N, sinh ngày 28/11/2012 và Tia Lý Hoàng H, sinh ngày 21/12/2016, hai con sống chung với bà T từ tháng 5/2020 đến nay. Trường hợp Tòa án giải quyết buộc ly hôn thì ông yêu cầu nuôi con chung là Tia Lý Hoàng H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con và ông nhường quyền nuôi con là Tia Lý Tổ N cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung là Tia Lý Tổ N. Hiện nay ông làm nghề sửa xe, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hoà giải ngày 23/02/2021 và tại phiên toà, cháu Tia Lý Tổ N trình bày:* Khi cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau, cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Lý Thị Thanh T.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Bị đơn đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tia Phương Th.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Lý Thị Thanh T được ly hôn với ông Tia Phương Th. Về con chung: Đề nghị giao cho bà Lý Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi hai con chung là Tia Lý Tô N, sinh ngày 28/11/2012 và Tia Lý Hoàng H, sinh ngày 21/12/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị Thanh T không yêu cầu ông Tia Phương Th cấp dưỡng nuôi hai con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Tia Phương Th đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông Th đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Tia Phương Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Thanh T và ông Tia Phương Th tự nguyện tổ chức cưới vào năm 2012 và đăng ký kết hôn ngày 03/02/2017 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Thanh T và ông Tia Phương Th là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà T và ông Th chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 5/2020 đến nay thì bà T và ông Th không còn sống chung với nhau, bà T và ông Th cũng không còn liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông Th đã đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Thanh T. Ông Th không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng còn thương vợ nhưng bà T không đồng ý đoàn tụ cùng ông Th, nên ý kiến của ông Th là không có cơ sở xem xét.

[4] Về con chung: Bà T và ông Th có 02 người con chung là Tia Lý Tô N, sinh ngày 28/11/2012 và Tia Lý Hoàng H, sinh ngày 21/12/2016, hiện nay hai con đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi hai con chung, ông Th yêu cầu được quyền nuôi con chung là Tia Lý Hoàng H.

Xét thấy, hiện nay hai con chung là Tia Lý Tổ N và Tia Lý Hoàng H sống cùng với bà T. Cháu Tia Lý Tổ N có nguyện vọng sống với mẹ, bà T cũng yêu cầu được quyền tiếp tục được nuôi hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà T và ông Th trình bày đều có điều kiện về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai con chung đang sống với bà T, nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại và không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của các cháu Tia Lý Tổ N và Tia Lý Hoàng H thì cần thiết giao hai con chung Tia Lý Tổ N và Tia Lý Hoàng H cho bà T trực tiếp nuôi đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Th được quyền thăm nom hai con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Lý Thị Thanh T không yêu cầu ông Tia Phương Th cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Lý Thị Thanh T không yêu cầu chia tài sản chung. Ông Tia Phương Th có “Đơn yêu cầu phản tố” yêu cầu chia tài sản chung là phần đất diện tích 151,0 m², tại thửa 1057, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà Lý Thị Thanh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 885064 ngày 18/12/2020. Tuy nhiên, ông Th không nộp tạm ứng án phí về việc yêu cầu chia tài sản chung, Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của ông Tia Phương Th nên đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Th Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lý Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Thanh T được ly hôn với ông Tia Phương Th.

2. Về con chung: Giao cho bà Lý Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi hai con chung Tia Lý Tổ N, sinh ngày 28/11/2012 và Tia Lý Hoàng H, sinh ngày 21/12/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Tia Phương Th được quyền thăm nom hai con chung là Tia Lý Tổ N và Tia Lý Hoàng H không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lý Thị Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị Thanh T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007444 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Lý Thị Thanh T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến